**Superior Court of Washington, County of**

***Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận***

|  |  |
| --- | --- |
| In the Guardianship of:  *Trong Quyền Giám Hộ:*    Respondent/s *(minors/children)*  *(Các) Bị Đơn (trẻ vị thành niên/trẻ em)* | No.  *Số*  Parent’s Consent to Minor Guardianship  *Đồng Ý Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên Của Cha/Mẹ*  (CON)  *(CON)* |

**Parent's Consent to Minor Guardianship**

***Đồng Ý Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên Của Cha/Mẹ***

***Use this form*** *to agree to Minor Guardianship. Do* ***not*** *use this form for Standby or Emergency Guardianship.*

***Sử dụng mẫu đơn này*** *để đồng ý Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên.* ***Không*** *sử dụng mẫu đơn này cho Quyền Giám Hộ Dự Phòng hoặc Khẩn Cấp.*

1. Parent

*Cha/mẹ*

My name is . I am a legal parent of the children named above.

*Tôi tên là*  *. Tôi là cha/mẹ hợp pháp của các trẻ có tên trên đây.*

2. Guardian

*Người giám hộ*

I agree (consent) that the court can appoint *(name/s)*  as guardian for my children.

*Tôi đồng ý (ưng thuận) rằng tòa án có thể chỉ định ((các) tên)*   *làm người giám hộ cho các con tôi.*

3. Powers

*Quyền hạn*

I have read the *Minor Guardianship Petition*. I agree the court should give the guardian the powers requested in the petition. The petition covers:

*Tôi đã đọc Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên. Tôi đồng ý rằng tòa án nên trao cho người giám hộ các quyền hạn được yêu cầu trong đơn xin. Đơn xin bao gồm:*

* Custody

*Việc nuôi con*

* Visitation

*Sự thăm nom*

* Decision-Making Authority

*Thẩm Quyền Ra Quyết Định*

* Access to Records

*Tiếp Cận Hồ Sơ*

* Child Support, Insurance, and Taxes

*Cấp Dưỡng, Bảo Hiểm và Thuế*

* Protection Orders and Restraining Orders

*Lệnh Bảo Vệ và Lệnh Cấm*

* Fees and Costs

*Phí và Chi Phí*

* Other Requests

*Các Yêu Cầu Khác*

4. Voluntary

*Tự nguyện*

I do **not** **have to** **agree** to this guardianship. I have a legal right to raise my children (unless a court has already limited that right).

*Tôi* ***không phải đồng ý*** *về quyền giám hộ này. Tôi có quyền hợp pháp để nuôi các con mình (trừ khi tòa án đã hạn chế quyền đó).*

5. Lawyer

*Luật sư*

I understand that I have the right to seek legal advice. If I need help understanding this consent or do **not** agree to a guardian, I can talk to a lawyer.

*Tôi hiểu rằng tôi có quyền tìm kiếm tư vấn pháp lý. Nếu tôi cần giúp hiểu biết sự đồng ý này hoặc* ***không*** *đồng ý về một người giám hộ, tôi có thể nói chuyện với luật sư.*

If I do **not** agree and cannot afford a lawyer, I have the right to have a lawyer appointed to represent me at public expense. *(*GDN ALL 021*, Motion to Appoint Lawyer.)*

*Nếu tôi* ***không*** *đồng ý và không thể đủ khả năng thuê một luật sư, tôi có quyền có một luật sư được chỉ định sẽ đại diện cho tôi bằng chi phí công. (GDN ALL 021, Kiến Nghị Chỉ Định Luật Sư.)*

6. Legal Proceeding

*Thủ Tục Pháp Lý*

I understand that if I do **not** agree, I have the right to a full legal proceeding about guardianship. In a full proceeding, the court must presume I am willing and able to parent. For the Petitioner to succeed, they must prove I am **not** able or willing to parent.

*Tôi hiểu rằng nếu tôi* ***không*** *đồng ý, tôi có quyền yêu cầu tiến hành thủ tục pháp lý đầy đủ về quyền giám hộ. Trong một thủ tục đầy đủ, tòa án phải cho rằng tôi đang sẵn sàng và có khả năng làm cha/mẹ. Để Nguyên Đơn kế nhiệm, họ phải chứng minh rằng tôi* ***không*** *có khả năng hoặc không muốn làm cha/mẹ.*

I agree to the guardian being appointed for my children without a full legal proceeding.

*Tôi đồng ý người giám hộ đang được chỉ định cho các con tôi không có thủ tục pháp lý đầy đủ.*

7. Termination

*Chấm dứt*

I understand that once the court has approved the guardianship, if I want it to end before it expires (usually age 18), I will have to petition the court. (*Use Petition to Terminate or Change Minor Guardianship or Non Parent Custody Order form* GDN M 502*)* If the guardian does not agree, they will have to prove:

*Tôi hiểu rằng ngay khi tòa án đã chấp thuận quyền giám hộ, nếu tôi muốn chấm dứt quyền này trước khi hết hạn (thường là 18 tuổi), tôi sẽ phải nộp đơn xin cho tòa án. (Sử dụng Đơn Xin Chấm Dứt hoặc Thay Đổi Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên hay Lệnh Nuôi Con Không Phải Cha Mẹ mẫu đơn GDN M 502) Nếu người giám hộ không đồng ý, họ sẽ phải chứng minh:*

* Ending the guardianship would be harmful to the children; and

*Chấm dứt quyền giám hộ sẽ gây tổn hại đến các trẻ; và*

* The children’s interest in continuing the guardianship outweighs my parental rights.

*Lợi ích của các trẻ trong việc tiếp tục được giám hộ quan trọng hơn quyền làm cha mẹ của tôi.*

**8. Acceptance of Service**

***Chấp Nhận Việc Tống Đạt***

[ ] Does not apply.

*Không áp dụng.*

[ ] I have received a copy of the *Minor Guardianship Petition* and accept service.

*Tôi đã nhận được một bản sao Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên và chấp nhận việc tống đạt.*

[ ] I do not need to be notified about the court’s hearings or decisions in this case.

*Tôi không cần được thông báo về các phiên xét xử hoặc quyết định của tòa án trong vụ án này.*

[ ] I ask the Petitioner to notify me about any hearings in this case. *(List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer’s address or any other address.)*

*Tôi yêu cầu Nguyên Đơn thông báo cho tôi biết về bất kỳ phiên xét xử nào trong vụ án này. (Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Địa chỉ này có thể là địa chỉ của một luật sư hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác.)*

*Address City State Zip*

*Địa Chỉ* *Thành Phố* *Tiểu Bang* *Mã Vùng*

E-mail:

*E-mail:*

I understand the nature and consequences of a minor guardianship. I agree the court can appoint the guardian named above for my children.

*Tôi hiểu bản chất và kết quả của quyền giám hộ trẻ vị thành niên. Tôi đồng ý rằng tòa án có thể chỉ định người giám hộ có tên trên đây cho các con tôi.*

\_   
*Parent signs here Print name Date*  
*Cha/mẹ ký ở đây* *Tên viết in* *Ngày*

**Lawyer Certification (optional)**

***Chứng Nhận Của Luật Sư (không bắt buộc)***

I am the lawyer for the above-named parent. I have reviewed this Parental Consent with my client. I explained to my client the nature of the proposed guardianship and the consequences of agreeing to the guardianship.

*Tôi là luật sư cho cha/mẹ có tên trên đây. Tôi đã xem xét lại bản Đồng Ý Của Cha Mẹ này với thân chủ của tôi. Tôi đã giải thích cho thân chủ của mình về bản chất của quyền giám hộ được đề xuất và kết quả của việc đồng ý về quyền giám hộ.*

My client has indicated to me they understand the nature and consequences, and still wish to consent to the guardianship.

*Thân chủ của tôi đã cho tôi biết rằng họ hiểu bản chất và kết quả, đồng thời vẫn muốn đồng ý với quyền giám hộ.*

\_   
*Parent's lawyer (if any) signs here Print name and WSBA No. Date*  
*Luật sư của cha/mẹ (nếu có) ký ở đây* *Tên viết in và WSBA Số* *Ngày*